

# TÌM HIỂU VĂN HỌC DÂN GIAN QUẢNG BÌNH

PHẠM THÚY NGÀ

**V**ăn học dân gian là một hình thức sinh hoạt mang tính cộng đồng. Vì vậy nó là một bộ phận cấu thành nền văn hóa dân tộc. Ngoài nhu cầu ăn, ở, mặc con người còn cần đến sinh hoạt văn hóa, văn nghệ nhằm thoả mãn những đòi hỏi phong phú về mặt tinh thần.

Từ xa xưa, người Việt cổ đã có các hoạt động văn hóa mang tính quần chúng: Những hình ảnh còn lại trên các thạp đồng, trống đồng, các loại nhạc cụ, vũ công, các họa tiết hoa văn trên các trống đồng, các bộ trang phục đến các sinh hoạt khác mang tính dân gian,... đã phản ánh khá đầy đủ đời sống văn hóa cư dân Việt thời bấy giờ.

Con người Quảng Bình cũng như các làng quê khác trong quá trình lao động cần cù, sáng tạo, chiến đấu dũng cảm, cải tạo thiên nhiên, xã hội để sinh tồn và phát triển đã sáng tạo ra những giá trị tinh thần thông qua những hình thức văn học dân gian rất đặc sắc, mang đậm sắc thái riêng. Đó là những câu truyện cổ, truyện thuyết, thần thoại, những câu dân ca, hò vè cho đến những làn điệu mượt mà mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, văn học dân gian còn phản ánh một cách sinh động đời sống sinh hoạt vật chất của một cộng đồng dân tộc cũng như những tâm tư tình cảm của họ, những câu hát dao duyên, những câu hò đối đáp, cao hơn là những triết lý thế giới quan, nhân sinh quan, tôn giáo, tín ngưỡng... đã tạo nên một bề dày của nền văn học dân gian. Đó chính là những sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, bằng truyền miệng và các hình thức trình diễn. Thông qua sinh hoạt văn học dân gian chúng ta có thể hiểu thêm nhiều khía cạnh về một cộng đồng, một dân tộc.

Những năm gần đây, xu hướng xã hội hóa văn hóa ngày càng phát triển. Người ta hướng về cội nguồn, nâng niu, gìn giữ và tìm cách khôi phục phát huy những vẻ đẹp tinh hoa mang đậm bản sắc

dân tộc. Văn học dân gian qua những thăng trầm, biến cố của lịch sử như chiến tranh, các cuộc xáo trộn di dân đã bị mai một nay mới có dịp khởi sắc ở các làng quê-cái nôi của văn hóa dân gian vào các dịp lễ hội, tết, ngày mùa lại rộn rịp các sinh hoạt văn nghệ thu hút mọi tầng lớp tham gia.

Cũng như các miền quê khác trong cả nước, người dân Quảng Bình đã sáng tạo ra kho tàng văn học dân gian hết sức phong phú và đặc sắc. Có thể chia thành 3 bộ phận chính như sau:

1. Các thể loại tự sự gồm có: Truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, giai thoại, vè...
2. Các loại duy lý gồm có: Tục ngữ, câu đối
3. Thể loại trữ tình: Ca dao, hò đối đáp

Về truyền thuyết sưu tầm được ở Quảng Bình tuy chưa nhiều nhưng nó đã có được một diện mạo riêng của thể loại. Với một hỗn hợp thể giới siêu nhiên lẫn trần thế trong một thời gian nghệ thuật cụ thể xác định, truyền thuyết Quảng Bình kể về những cảnh quan địa lý hoặc về những nhân vật, sự kiện ở địa phương có quan hệ ít nhiều đến hiện thực lịch sử cụ thể.

Các giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc của văn hóa dân gian Quảng Bình là tìm hiểu và giải thích các hiện tượng tự nhiên và xã hội, phản ánh và ca ngợi công cuộc lao động cần cù và sáng tạo, đấu tranh xây dựng quê hương đất nước, ca ngợi tâm tư tình cảm tốt đẹp đối với con người và quê hương đất nước tươi đẹp.

Ví dụ như, để giải thích có Trời và Đất xa nhau, có lèn, núi, đồng bằng đồng bào Kinh có truyền thuyết: “Bà Nữ Oa đội đá vá trời”, còn đồng bào Nguồn lại có truyện: “Ông Đùng và thằng Sắt”, hay truyền thuyết: “Ao trời”, “Truyện thuyết sông Nhật Lệ”... là những tưởng tượng thần kỳ dân gian của người Quảng Bình xưa về những địa danh xác định và cả về những công lao xây đắp, gây dựng quê hương của các tiên nhân thờ xa xưa. Hay câu

truyện của người Chứt giải thích về nguồn gốc sinh ra các dân tộc (trong đó có dân tộc Chứt). Đó là câu chuyện “Tám giỏ trứng sinh ra con người” giải thích các dân tộc đều được sinh ra từ tám giỏ trứng, người Chứt sinh ra đầu rồi đến người Khùa, người Lào... và cuối cùng là người Kinh. Qua những truyền thuyết đó, chúng ta càng tự hào hướng về cội nguồn với một tấm lòng tôn kính, ngưỡng mộ.

Các truyền thuyết về Thành Hoàng của các làng xã như truyền thuyết về “ông tổ làng Đức Ninh”, “Truyền thuyết ba ông tổ họ Trần, Nguyễn, Phan làng Pháp Kệ”... Những truyền thuyết này phổ biến trong dân gian cốt lưu lại cho đời sau gốc tích tổ tiên thừa khai sinh của làng xã, nơi đất khách quê người do những người Việt cổ vào khai phá và về sau đã được chính họ quê hương hóa trong truyền thuyết.

Truyện cổ tích ở Quảng Bình cũng như trong cả nước, phần lớn xuất hiện khi xã hội và con người ở đây được tổ chức theo chế độ phong kiến, lúc này gia đình riêng lẻ đã được thành lập để thay thế cho chế độ công xã thị tộc đã tan rã, theo đó xã hội đã có giai cấp. Truyện cổ tích Quảng Bình do vậy chủ yếu phản ánh cuộc đấu tranh xã hội, nội dung chính của lịch sử lúc ấy ở địa phương. Khác với truyền thuyết, truyện cổ tích đã phản ánh tâm tư nguyện vọng của con người một cách sâu sắc hơn, đề cập đến tình cảm riêng tư trong sinh hoạt cá nhân, gia đình và xã hội một cách phổ biến hơn. Ví như “Sự tích cây thuốc lá”, “Sự tích hoa vạn thọ”... là những truyện tình cảm động, phản ánh khát vọng yêu đương lành mạnh của nam nữ thanh niên Quảng Bình thưở xa xưa. Ở đó sự chung thủy, lòng dũng cảm, tính trung thực... được đề cao như là những phẩm chất quý giá của tình yêu. Còn các truyện “Ông thả vàng”, “Người chị dâu tốt bụng”... lại mang một nội dung phản ánh khác cũng như từ khía cạnh tình cảm riêng tư của con người, đó là tính nhân hậu, lòng tốt và sự tương thân tương ái.

Bằng sự phong phú của các đề tài, truyện cổ tích Quảng Bình phần nào phản ánh được đời sống nội tâm phong phú của người dân đương thời ở đây cũng như khát vọng của con người muốn vươn lên chinh phục tự nhiên cải tạo xã hội để giành lấy cuộc sống bình yên, hạnh phúc. Đồng thời, nó cũng thể hiện quan niệm của người dân Quảng Bình về

những phạm trù mỹ học cái thiện, cái đẹp, cái cao thượng. Do vậy, truyện cổ Quảng Bình có tác động giáo dục sâu sắc đến thế hệ người Quảng Bình sau này.

Truyện cười dân gian Quảng Bình đã sử dụng tiếng cười hài hước giản đơn và tiếng cười hài hước có ý nghĩa xã hội. Tiếng cười hài hước giản đơn nhằm mua vui để giải trí trong lúc rỗi rãi sau giờ lao động hoặc tỏ rõ khả năng, hài hước của người kể chứ không nhằm một mục đích nào khác. Ngược lại tiếng cười có ý nghĩa xã hội không chỉ mua vui thuần túy mà còn có ý nghĩa đấu tranh xã hội nữa. Đối tượng bị cười cợt ở đây là giai cấp thống trị trong xã hội phong kiến, bọn trưởng giả học làm sang, và các thói hư tật xấu trong dân gian. Như truyện “Đi ết quan huyện” viên quan huyện ham ăn của đút ở trong truyện lâm vào hoàn cảnh bị chính những người buộc lòng phải đi đút lót chửi vô mặt mà phải ngậm bồ hòn làm ngọt không làm gì được. Viên quan huyện càng căm tức bao nhiêu thì người đọc càng được dịp cười hả hê bấy nhiêu vì y đang lâm vào hoàn cảnh đáng cười.

Những giai thoại, những tục truyền sưu tầm được ở Quảng Bình là những ký ức dân gian, như có một tục truyền rằng: Xa xưa, ở làng Minh Lý có một cái mũi đá (như mũi tên), bên dưới có một cái lỗ đòn tròn.

Họ kể rằng: Phía trên núi đá là hình ngòi bút, phía dưới là nghiên mực, cho nên làng này xưa kia rất trù phú, người người đi thi đều đậu, cử nhân có, tú tài thì vô kể, còn phía dưới làng Đồng Phú thì nghèo không “ngóc đầu lên nổi”. Làng Đồng Phú tức quá bèn mời một ông thầy bói về để hóa giải. Thầy nói “Làng Đồng Phú nghèo vì ở trên làng Minh Lý có một mũi đá chọc xuống làng Đồng Phú làm cho làng nghèo đi, năm người đi thi trượt cả năm. Do đó ông thầy bói phán rằng: phải cưa mũi đá ấy đi thì làng Đồng Phú mới phát lên được. Để làm phúc cho làng Đồng Phú, làng Minh Lý cho cưa mũi đá, không ngờ khi chặt mũi đá thì máu chảy ra. Từ đó về sau làng Minh Lý không yên ổn không phát quan nữa, trong lúc đó làng Đồng Phú nổi lên như cồn. Nhưng làng Minh Lý cũng không chịu bó tay ngồi nhìn bèn lập một cái bia, gọi tên là bia ông cọp: bia trở mặt về phía làng Đồng Phú để án ngữ, để yểm làng Đồng Phú. Làng Minh Lý lại

yên vui, phục hồi lại truyền thống xa xưa của mình.

Phải nói rằng, ở đây chúng ta đã bắt gặp những giai thoại, những tục truyền hết sức ly kỳ, hấp dẫn được nhân dân lưu truyền cho đến ngày nay.

Về sưu tâm ở Quảng Bình chủ yếu là về thể sự, lấy đề tài trong cuộc sống sinh hoạt vui chơi của nhân dân làm cảm hứng sáng tạo, về người ăn vật, về ông thất,...

Dân ca Quảng Bình vốn là nguồn suối tâm tình của người dân lao động thể hiện trong sinh hoạt vui chơi, lao động lẫn trong nghi lễ. Nó như một sợi dây vô hình kết dính tâm tư tình cảm của con người qua bao thế hệ.

Tuy chưa có những nhà thơ, nhà văn có tên tuổi nhưng ở làng Thuận Lý có những người đặt thơ ca, hò về đề ca ngợi cuộc sống và tinh thần của nhân dân. Đồng thời đã kích chế độ vua quan phong kiến. Tiêu biểu nhất là có ông Khóa Cật: Các cụ thường đặt câu đối, viết những bài thơ để trao đổi văn hóa với nhau. Đặc biệt lớp thanh niên nam nữ, sau những ngày lao động mệt nhọc, đêm đến họ thường rủ nhau đi hát hội, hò khoan, hát những làn điệu dân ca quen thuộc bên cây đa giếng nước. Tiếng đàn tiếng hát vang lên khắp mọi nơi, mọi lúc có tác dụng cổ vũ động viên tinh thần sản xuất và chiến đấu.

Hò là một thể loại dân ca có từ lâu đời trong kho tàng văn học dân gian phong phú của người dân Quảng Bình. Với nội dung phong phú, hò khoan Quảng Bình được sử dụng trong nhiều khung cảnh: như hò kéo, hò đẩy, hò đối đáp, hò giao duyên, hò địch vận, hò chèo cạn, hò kháng chiến, hò giã gạo... bằng những lời ca dịu ngọt, mang giai điệu trầm lắng, đi vào tâm thức của con người, phản ánh tình yêu lao động, yêu tự do hòa bình và tình yêu lứa đôi tha thiết.

Người làng Thuận Lý trước cách mạng tháng 8 năm 1945, kể chuyện về ông Khóa Cật hay đi hò, đi hát, ông rất tinh nghịch hò những câu hò khôi hài trên chộc nhưng rất tinh tế, kín đáo...

Ví dụ: Trong một buổi đi đơm đáy (dăng) trên sông cầu Rào, chèo thuyền lấy cá, có cô gái ghẹo ông:

Em bảo anh bát sao ông bát

Em bảo anh cạy sao anh không cạy ... nay chừ

mắc đáy anh ơi (xô)

Hai bên bà con la mắng... (xô)

Anh cứ ngồi nhìn chi ... (xô)

Ông đối ngay: Anh không bát vì con nác hấn cứ hát lên.

Anh không cạy là vì sợ nôc trên nệm ... (xô)

Nên chi anh phải loay quay giữa đáy ... (xô)

Xin em hãy tạm vui lòng ... (xô)

Khi nói đến bất kỳ một loại hò dân gian nào người ta thường gọi chung là hò khoan. Hò khoan - là sự tổng hợp của nhiều mái, hò nhiều điệu, gộp lại nhưng vẫn hài hòa, nhịp nhàng linh hoạt. Lối hò này vừa có cái sống động, dạt dào của biển khơi vô tận mênh mông, vừa có cái mượt mà êm dịu của đồng quê bát ngát xanh tươi vừa có cái rậm rạp um tùm của rừng núi.

Về diễn xướng: hò khoan hò chèo cạn do một tập thể người lao động cùng hoạt động. Bao gồm cả múa lẫn hò được tổ chức vào các ngày 14, 15 và 16 tháng 4 và tháng 7 gọi là "hội cầu mùa", cầu mùa màng bội thu, cây cối xanh tươi.

Trước đây, hò khoan thường được tổ chức ở trên thuyền nhưng về sau trong những ngày hội vui chơi, những người dân ở làng Minh Lý (Thuận Lý) đã đem vào sinh hoạt văn hóa và cách điệu hóa thành lối chèo thuyền trên cạn, gọi là hò xướng, chèo cạn. Từ đó người xưa có sự phân công người diễn xướng: người hò cái xướng, tập thể hò con xô, khác với trong khi lao động, mọi người ai cũng có thể xướng, ai cũng có nhiệm vụ xô.

Về kết cấu: hò khoan chèo cạn đều xuất xứ từ thể thơ lục bát biến thể hay không biến thể hoặc xuất xứ từ thể thơ lục bát. Đồng thời, nó còn kết hợp với lối kể chuyện, tự sự. Cho nên một câu hò có khi chỉ 14 từ mà cũng có khi vài chục từ thậm chí 40-50 từ.

Hò khoan giã gạo:

Hò khoan giã gạo là một sinh hoạt dân gian của người dân Quảng Bình nói chung và của vùng sông nước Lệ Thủy nói riêng, nó thuộc vào đỉnh cao nhất kết tinh tất cả các loại hò như hò nhân nghĩa, hò xa cách, kết vắn, đâm bắt.. sau những ngày "rời mùa toóc rập rơm khô" vào những đêm trăng hể có tiếng giã gạo hò khoan là tức khắc dân làng kéo đến chật sân. Đêm càng khuya người càng đông thì cuộc hò càng sâu lắng trữ tình. Người

nghe hò ngồi quanh sân với đủ tư thế và quay mặt hướng tới cối gạo, nơi ấy đang diễn ra cuộc tranh tài giao duyên, không quy định đề tài nhất định mà cảm hứng về vấn đề gì, thì xướng lên vấn đề đó. Ví dụ: như điệu hò của một số đôi nam nữ chưa vợ, chưa chồng

Nữ hò: “Khi anh chưa có vợ thì anh chạy ngược chạy xuôi

Khi anh có vợ rồi thì đến ca trường làm chi

Nam đáp: Khi tôi chưa có vợ thì chạy ngược chạy xuôi

Nhưng khi tôi có vợ rồi thì tôi không quên tình nghĩa của các o.

Thật là một câu hò đáp lại trọn ý trọn tình của người con trai, vừa không mất lòng người con gái mà làm cho cô ta mếm phục.

Với đề tài hài hước chọc ghẹo nhau giữa nam thanh nữ lịch thì nhiều vô kể, những câu hò câu hát hoặc như vấn đề cưới hỏi, tình ái giữa trai và gái là một đề tài chiếm nhiều câu hò tình tứ nhất trong thể loại giao duyên.

Hò đối đáp là một phương thức thể hiện trình độ kiến thức, văn hóa của nam nữ thanh niên. Các hình tượng ngôn ngữ thể hiện trong các câu hò đối đáp là những cứ liệu cụ thể cho ta thấy nam nữ thanh niên ngày xưa đã biết sử dụng ngôn ngữ một cách thông minh, trình độ văn hóa khá cao. Sự đối đáp tài tình, chỉ trong chốc lát mà nam nhi đã đối đặng. Sự nhanh trí của người con trai đã làm cho người con gái kính phục mà theo chàng về dinh:

Ví dụ:

Nữ: *Em hỏi anh chữ chi là chữ chôn xuống đất*

...

*Thiếp trao miếng trầu cay cho chàng*

Nam: *Chữ tử là chữ chôn xuống đất*

...

*Vậy miếng trầu cay đâu nàng*

Những cô gái cũng không kém phần thông minh, nhanh trí khi bị nam nhi hỏi đáp, họ đáp lại một cách rất thông minh sắc sảo.

Nam hỏi: *O mấy o đi đâu mà ghé vào đây*

*Nói cho anh biết kẻo lòng anh tha thiết lắm thay*

*Một mai anh lâm lỗi bắt tay*

*Chồng con em đứng đó buông rày khó buông*

Nữ đáp: *Hỡi là anh ở trước em đi công tác*

*Sau ghé vào đây thăm mấy anh tân binh*

*Coi mà sức khỏe, kéo mấy lâu ni đường xa xôi quanh quẽ không khắp (gặp) được nhau.*

*Coi tình nghĩa vợ chồng không trước thì sau*

*Giữ chút mấy anh ra đi cho thắng trận*

*Việc đó hẹn ngày sau anh trở về.*

Rõ ràng văn học dân gian Quảng Bình là kho tàng văn hóa phong phú đặc sắc, phản ánh đậm đà sâu sắc hiện thực cuộc sống phong phú sáng ngời của chủ nghĩa nhân văn, chan chứa tình người. Nó đã ăn sâu vào tâm thức của người dân Quảng Bình bao đời nay. Nó là nơi gửi gắm niềm hy vọng, những tâm tư tình cảm, những suy tư sâu lắng, những nhu cầu tâm linh... Là sợi dây nối kết tình người, con người với thiên nhiên, cỏ cây, trời đất.

Văn học dân gian là một phần của văn hóa phi vật thể, nó được lưu giữ bằng trí nhớ, bằng truyền miệng, mà con người lưu giữ nó ngày một già đi, tư duy nhận thức của cộng đồng ngày nay thay đổi rất nhanh theo đà phát triển của xã hội. Nó âm thầm lặng lẽ mai một, đôi khi biến mất mà ít khi nghe được tiếng chuông cảnh báo. Bởi vậy, cần có sự nhận thức sự đầy đủ và sâu sắc về giá trị của văn hóa phi vật thể mà cụ thể ở đây là vốn văn học dân gian Quảng Bình, đối với việc phát huy những giá trị vốn có của nó trong đời sống đương đại.

Do vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể của ông cha để lại là công việc rất cần thiết và sớm được quan tâm. Bằng cách chúng ta phải tư liệu hóa lại những giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Giúp chủ thể văn hóa, cộng đồng tự trình bày văn hóa của mình thông qua các cuộc phỏng vấn, ghi chép, ghi âm, chụp hình. Suu tầm vốn di sản văn hóa phi vật thể chúng ta cần hết sức chú ý bảo đảm tính nguyên gốc, nguyên bản của nó. Trong nguyên bản đó, do điều kiện lịch sử và nhận thức có một vài nội dung không phù hợp với thời đại ngày nay, nhưng chúng ta cũng không vội “cắt gọt” theo quan điểm riêng của mình. Trao giọng nói cho người dân, phản ánh văn hóa bằng con mắt của người dân, những người trực tiếp nắm giữ hay thực hành văn hóa. Như vậy, nhằm giúp họ tự hào, nhận thức được trách nhiệm bảo vệ những di sản văn hóa phi vật thể trong sự nghiệp xây dựng và đổi mới của nước ta hiện nay.

P.T.N